

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/DS-ST
Ngày 19 tháng 8 năm 2025
V/v tranh chấp: “Hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Ông Châu Thanh Tân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Trần Giang Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2025/TLST-DS, ngày 06 tháng 02 năm 2025, về tranh chấp dân sự “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐST-DS, ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty TNHH V

Địa chỉ: Số C, đường H, phường T, Quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ngô Phong H – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH V.

Người đại diện theo ủy quyền: Lê Nguyễn Thùy U, sinh năm 1972; địa chỉ số G, đường N, phường T, thành phố N (nay là phường N) tỉnh Khánh Hòa, văn bản ủy quyền ngày 25/02/2025. (có mặt)

*** Bị đơn:** Lê Hồng H1, sinh năm 1977; CCCD số 086077000365 và Trần Thị Hồng T, sinh ngày 08/4/1983; CCCD số 086183012058; cùng địa chỉ số B, đường P, Phường D, thành phố V (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long (đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/9/2024 và đơn khởi kiện sửa đổi ngày 25/11/2024 của nguyên đơn, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 01 tháng 7 năm 2019, Công ty TNHH V (gọi tắt là Công ty V) có ký kết Hợp đồng mua bán sà lan với ông Lê Hồng H1 và bà Trần Thị Hồng T để mua sà lan tự hành số đăng ký VL-9977 theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 0032/ĐK.2017 với giá 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty V đã thanh toán đầy đủ tiền cho ông H1, bà T, đồng thời Công ty V đã nhận sà lan sử dụng cho đến nay. Hiện nay sà lan đã được Sở Giao thông vận tải Thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa, chuyển sang tên Công ty TNHH V với tên sà lan H 11 vào khoảng tháng 9/2019.

Tuy nhiên, từ thời điểm ký kết hợp đồng đến nay, ông H1, bà T vẫn chưa liên hệ cơ quan thuế để đăng ký và kê khai thuế và chưa xuất hóa đơn cho Công ty V. Công ty V đã nhiều lần liên hệ yêu cầu, đề nghị ông H1, bà T hoàn tất thủ tục với cơ quan thuế để xuất hóa đơn nhưng ông H1, bà T không thực hiện. Tại Công văn số 2650/CCTKV-QLXP4, ngày 03/7/2023 của Chi cục Thuế khu vực A – tỉnh Vĩnh Long trả lời ông H1, bà T là đơn vị có đăng ký kinh doanh và thuộc trường hợp phải đề nghị được mua hóa đơn lẻ và cấp cho bên bán.

Do đó, Công ty V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H1, bà T phải cấp hóa đơn bán lẻ liên quan đến Hợp đồng mua bán ngày 01/7/2019 cho Công ty V. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn Lê Hồng H1, Trần Thị Hồng T không có bản khai nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, ông H1, bà T thừa nhận ngày 01 tháng 7 năm 2019, ông bà có ký kết với Công ty TNHH V hợp đồng mua bán sà lan tự hành số đăng ký VL-9977 theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 0032/ĐK.2017 với giá 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng); ông bà đã giao sà lan và nhận đủ tiền.

Theo nguyên đơn cho rằng ông bà phải có nghĩa vụ xuất hóa đơn cho nguyên đơn là không đúng, bởi vì hai bên không có thỏa thuận nào về việc ông bà phải có nghĩa vụ xuất hóa đơn bán hàng cho nguyên đơn, vả lại, việc xuất hóa đơn thì cần phải có hồ sơ, chứng từ gốc do ông bà đứng tên nhưng việc mua bán phát sinh từ năm 2019, hiện nay sà lan đã được Công ty V đứng tên, cho nên, nguyên đơn yêu cầu xuất hóa đơn là không thực hiện được. Do đó, ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qui trình nhận đơn, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng trình tự thủ tục tố tụng; về thời hạn xét xử **đảm bảo**

đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về Hội đồng xét xử thực hiện nguyên tắc xét xử đúng trình tự thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của nguyên và bị đơn được thực hiện nghiêm túc, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện nghiêm.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 5 Thông tư 219/2013/TT-BTC, ngày 31/12/2013 của Bộ T2 hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị quyết số 209/2013/NĐ-CP, ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; khoản 1 Điều 11 và khoản 1 Điều 13 của Thông tư số 39/2014/TT-BTC, ngày 31/3/2014 của Bộ T2 hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP, ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/-UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V về việc buộc ông Lê Hồng H1 và bà Trần Thị Hồng T phải cấp hóa đơn bán lẻ liên quan đến Hợp đồng mua bán ngày 01/7/2019 cho Công ty V.

Buộc Công ty V chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải cấp hóa đơn bán lẻ theo hợp đồng mua bán đã ký kết, bị đơn có địa chỉ tại phường P, tỉnh Vĩnh Long. Do đó đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] **Về nội dung:** Căn cứ Hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa ngày 01/7/2019 cho thấy ông Lê Hồng H1 và bà Trần Thị Hồng T có bán cho Công ty V 01 chiếc sà lan tự hành mang biển số VL-9977 với giá 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) là có thật, hợp đồng đã được chứng nhận của Văn phòng C ngày 01/7/2019 và được hai bên thừa nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật, không cần phải chứng minh. Xét thấy hai bên ký kết hợp đồng trên tinh thần tự nguyện; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên giao dịch dân sự trên có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Thực hiện hợp đồng trên, ông H1, bà T đã bàn giao sà lan, Công ty V đã thanh toán đủ tiền. Hiện nay, Công ty V thừa nhận sà lan đã được Sở Giao

thông vận tải Thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa, chuyển sang tên của Công ty V với tên là sà lan H 11 vào khoảng tháng 9/2019.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông H1, bà T liên hệ với cơ quan thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế khi chuyển nhượng tài sản và cấp hóa đơn bán lẻ liên quan đến Hợp đồng mua bán ngày 01/7/2019 cho Công ty V, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ Hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa ngày 01/7/2019 nêu trên cho thấy tại Điều IV của Hợp đồng quy định về quyền lợi và trách nhiệm các bên thì không có thỏa thuận nghĩa vụ của ông H1, bà T phải cấp hoặc xuất hóa đơn bán lẻ cho Công ty V nhưng có nghĩa vụ giao toàn bộ bản gốc các giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty V. Đối với nghĩa vụ này thì ông H1, bà T đã thực hiện xong và đã bàn giao tài sản cho Công ty V nên Công ty V đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa với tên là sà lan H2 11 và đã sử dụng ổn định cho đến nay. Như vậy, xét về hợp đồng thì ông H1, bà T đã hoàn thành nghĩa vụ theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Mặt khác, xét về chủ thể ký kết hợp đồng thể hiện bên bán tài sản là cá nhân (ông H1, bà T), tại phiên toà người đại diện cho nguyên đơn cũng thừa nhận khi ký kết hợp đồng thì ông H1 là cá nhân nên không yêu cầu ông H1, bà T phải xuất hoá đơn; ông H1, bà T bán sà lan là động sản là tài sản của cá nhân, cho nên ông H1, bà T không thuộc trường hợp phải chịu thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 111/2013/TT-BTC, ngày 15/8/2013 của Bộ T2, đồng thời, ông H1, bà T cũng không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư 219/2013/TT-BTC, ngày 31/12/2013 của Bộ T2 hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị quyết số 209/2013/NĐ-CP, ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

[6] Từ những nhận định trên cho thấy ông H1, bà T là cá nhân không kinh doanh bán hàng hóa và thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, cũng thuộc trường hợp không phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng, cho nên, ông H1, bà T không phải là đối tượng mua hóa đơn của cơ quan thuế và cơ quan thuế cũng không cấp hóa đơn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 và khoản 1 Điều 13 của Thông tư số 39/2014/TT-BTC, ngày 31/3/2014 của Bộ T2 hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP, ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty V là không có cơ sở chấp nhận.

[7] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên Công ty V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 300.000đ theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long là có cơ sở, phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 11 và khoản 1 Điều 13 của Thông tư số 39/2014/TT-BTC, ngày 31/3/2014 của Bộ T2 hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP, ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH V về việc buộc ông Lê Hồng H1 và bà Trần Thị Hồng T phải cấp hóa đơn bán lẻ liên quan đến Hợp đồng mua bán ngày 01/7/2019 cho Công ty TNHH V.

2. Về án phí

Buộc Công ty TNHH V chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007641, ngày 20/01/2025, nên Công ty TNHH V không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND KV 1-VL;
- Phòng THA DS KV 1VL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Tấn Thành